

Góp bàn về mấy khái niệm dân tộc, dân dã, dân gian trong văn hóa - nghệ thuật

GS. TS. KIỀU THU HOẠCH

Trong nghiên cứu văn hóa- nghệ thuật, đặc biệt là trong nghiên cứu folklore (văn hóa dân gian), các khái niệm dân tộc, dân dã, dân gian... là những từ ngữ khá quen thuộc, được các nhà khoa học, các tác giả hầu như sử dụng thường xuyên. Tuy nhiên, lâu nay nội hàm của các khái niệm ấy vẫn chưa được xác định rõ, nên không tránh khỏi tình trạng đây đó còn có những cách hiểu, cách vận dụng chưa hoàn thống nhất.

Do vậy, những điều trình bày sau đây, chỉ ít cung cấp cho mọi người một số thông tin của các nhà khoa học trong và ngoài nước, về các khái niệm trên, hoặc có liên quan đến các khái niệm trên, như những tư liệu tham khảo bổ ích, góp phần vào việc hướng tới cách hiểu chuẩn xác hơn về mấy khái niệm dân tộc, dân dã, dân gian như những thuật ngữ khoa học đích thực.

Trước hết, cần nói ngay rằng, mấy khái niệm này đều là những từ ngữ Hán- Việt. Nhưng thực ra, chúng lại chỉ là những từ ngữ mới được lấp ghép vào thời cận- hiện đại, chứ không phải là những từ ngữ nguyên gốc trong kho từ vựng tiếng Hán cổ. Bởi thế, nếu tra cứu trong các bộ từ thư của Trung Hoa (như *Từ hải*, *Từ nguyên*...), chúng ta sẽ thấy những ngữ nghĩa không giống như ta hiểu lâu nay. Điều này cho thấy, đây rõ ràng là những thuật ngữ khoa học (Terme scientifique), mà muốn hiểu biết chúng một cách chính xác thì không thể không đi theo hướng nghiên cứu của thuật ngữ học (Terminologie), thậm chí thuật ngữ học chuyên ngành (Terminologie spécialiste).

1. Về khái niệm dân tộc

Như trên đã nói, bộ *Từ nguyên* không có từ dân tộc. *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh thì định nghĩa quá sơ lược: Dân tộc là chủng tộc của quốc dân (race, nation). Bộ *Từ hải* mới (1989) cho biết, cổ thư chữ Hán không có khái niệm dân tộc. Chỉ từ Lương Khải Siêu, trong một bài viết vào năm 1899, mới xuất hiện từ dân tộc. Từ ngữ này được dùng phổ biến là vào thời cận đại, gắn liền với phong trào Cách mạng dân tộc vào nửa đầu thế kỷ 20.

Vậy dân tộc là gì?

Khi nói đến khái niệm dân tộc, tính dân tộc trong văn hóa- nghệ thuật, giới khoa học từ trước tới nay đều thống nhất coi tác phẩm *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc* của Staline như một nguồn tri thức kinh điển của chủ nghĩa C.Mac- V.Lênin. Tác phẩm này được công bố năm 1913- 1914, ngay lúc đương thời đã được Lênin đánh giá rất cao, coi là một tác phẩm có giá trị phi thường, một tác phẩm vĩ đại. Quả vậy, trong tác phẩm tuyệt vời này, Staline đã thu lượm tư liệu lịch sử của nhiều quốc gia trên thế giới và từ đó đã khái quát thành những luận điểm khoa học vô cùng đúng đắn, chặt chẽ về khái niệm dân tộc, trở thành như một định nghĩa có tính chất kinh điển về mặt thuật ngữ khoa học cũng như về mặt nhận thức lý luận nói chung.

Theo luận giải của Staline, thì khái niệm thuật ngữ dân tộc gồm 6 điểm như sau:

1- Dân tộc trước hết là một khối cộng đồng, một khối người cộng đồng nhất định. Nhưng đó, không phải là cộng đồng, chủng tộc hay thị tộc (tribu) mà là một khối người cộng đồng kết

thành trong quá trình lịch sử.

2- Dân tộc không phải là một khối kết hợp nhất thời mà có hay chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, mà là một khối người cộng đồng ổn định. Tuy nhiên, lại không phải bất cứ khối cộng đồng ổn định nào cũng hợp thành dân tộc. Chẳng hạn, nước Áo và nước Nga đều là những cộng đồng ổn định, nhưng không ai nói đó là dân tộc, mà đó chỉ là cộng đồng quốc gia (Communauté d'Etat).

3- Dân tộc phải có tiếng nói chung. Cộng đồng về tiếng nói là một trong những đặc điểm của dân tộc. Nhưng không phải những người cùng nói một thứ tiếng nhất thiết hợp thành một dân tộc. Chẳng hạn, người Anh và người Mỹ cùng nói một thứ tiếng, tuy nhiên họ không hợp thành một dân tộc vì họ không ở sát bên nhau trên cùng một lãnh thổ.

4- Dân tộc phải có chung lãnh thổ. Cộng đồng lãnh thổ là một trong những đặc trưng của dân tộc.

5- Dân tộc phải có mối liên hệ kinh tế bên trong gắn liền những bộ phận khác nhau của dân tộc thành một khối duy nhất. Cộng đồng sinh hoạt kinh tế, cố kết kinh tế là một trong những đặc điểm của dân tộc.

6- Dân tộc còn phải là cộng đồng về cấu tạo tâm lý, biểu hiện trong cộng đồng văn hóa. Và, đó là một trong những đặc điểm của dân tộc. Dĩ nhiên, sự cấu tạo tâm lý, hay còn gọi "tính dân tộc" đối với người quan sát bên ngoài vốn nó là một cái gì không thể thay thế được. Nhưng, cho đến khi nó biểu hiện ra trong tính chất đặc biệt của nền văn hóa chung của dân tộc thì ta có thể thấy được nó và không thể không thừa nhận nó. Cũng cần phải hiểu rằng "tính dân tộc" không phải là một cái gì nhất thành bất biến. Tuy nhiên, khi nó còn tồn tại trong một thời gian nào thì nó vẫn còn cứ in dấu vết của nó trên bộ mặt của dân tộc.

Tóm lại, theo quan điểm của Staline, dân tộc là một khối người cộng đồng ổn định, thành lập trong quá trình lịch sử, dựa trên cơ sở cộng đồng về tiếng nói, về lãnh thổ, về sinh hoạt kinh tế và về cấu tạo tâm lý biểu hiện trong cộng đồng văn hóa.

Và như thế, đương nhiên, dân tộc cũng giống như các hiện tượng lịch sử, phải chịu quy luật tiến hóa chi phối, nó phải có lịch sử của nó, có sinh và có diệt. Đồng thời, cần phải nhấn

manh rắng, bất cứ một đặc điểm nào trong 6 đặc điểm nói trên mà tách riêng ra cũng không đủ để định nghĩa dân tộc. Hơn nữa, nếu chỉ thiếu một trong những đặc điểm ấy, thì dân tộc cũng không còn là dân tộc được. (Tóm lược theo Staline: *Chủ nghĩa C.Mac và vấn đề dân tộc*, bản dịch, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1955).

2- Về khái niệm dân dã

Dân dã, là từ Hán Việt được lắp ghép trong thời đại chúng ta. *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh không có từ dân dã mà chỉ có từ dã dân, được thích nghĩa là dân làm ruộng (paysan). *Từ nguyên, Từ hải* của Trung Quốc cũng không có từ dân dã mà chỉ có dã nhân, với nghĩa nông phu, người ở nơi hương dã, người ở ngoài chốn thị thành chuyên sống bằng nghề nông. *Từ hải* dẫn chứng bằng câu trong sách "Mạnh Tử", thiên Đằng Văn Công Thượng; Vô quân tử, mạc tri dã nhân. Vô dã nhân mạc, mạc dưỡng quân tử" (Không có dã nhân, lấy ai nuôi quân tử). Quân tử được hiểu là những người làm việc nước có bổng lộc, có chức trách và quyền lực, còn dã nhân chỉ là nông dân, người cày cấy làm ra lương thực. *Từ điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học, 2003, giải thích dân dã là người nông dân thôn xa thành thị (nói khái quát thường hàm ý quê mùa, chất phác, ví như: món ăn dân dã, nơi dân dã).

Nói tóm lại, dân dã không phải là một thuật ngữ khoa học. Tuy nhiên, lâu nay trong giới khoa học của ta vẫn có người sử dụng từ dân dã tương đương với từ dân gian. Chẳng hạn như một cuốn sách của Nguyễn Minh San: *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 1994).

3- Về khái niệm dân gian

Xét về mặt từ ngữ, dân gian cũng là một tổ hợp được ghép lại bởi hai chữ Hán Việt là dân và gian. Các bộ *Từ nguyên, Từ hải...* của Trung Quốc không có cụm từ dân gian. Điều đó chứng tỏ đây là một cụm từ chưa có ở thời cổ. *Hán Việt từ điển* của Đào Duy Anh theo lối duy danh định nghĩa, giải thích dân gian là trong chỗ nhân dân. *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học, giải thích rõ hơn một chút, dân gian là phạm vi đông đảo những người dân thường trong xã hội. Tuy nhiên, đó chỉ là những lối giải thích theo chữ Hán đơn thuần chưa phải là giải thích theo nội hàm của từ dân gian như một thuật ngữ khoa học. Trong khi đó, dân gian

vốn là một thuật ngữ khoa học đa tạp về sắc thái ngữ nghĩa, gắn liền với các quan điểm chính trị- học thuật của những thời kỳ lịch sử khác nhau, trên thế giới cũng như ở trong nước. Ở ta, từ dân gian được dùng sớm nhất và có lẽ là trong bài báo “Người nông dân Việt Nam trong truyện cổ tích” của Vũ Ngọc Phan, đăng trên tạp chí *Nghiên cứu văn sử địa*, số 4 năm 1995, khi ông ghép dân gian với văn học, thành ra dân gian văn học, theo cú pháp của Trung văn- không rõ ông viết theo lối cấu tạo của từ Hán Việt, hay chịu ảnh hưởng của sách báo Trung Hoa lúc bấy giờ. Nhưng có lẽ từ dân gian khi ấy cũng chưa được giới khoa học quen dùng. Chúng có lẽ ở bộ phận *Lược thảo lịch sử Văn học Việt Nam*, của nhóm Lê Quý Đôn, 3 tập, dày ngót 1000 trang, khổ 130 x 190, in năm 1957, các tác giả cũng chưa dùng từ dân gian, mà chỉ viết văn chương truyền miệng, văn chương bình dân. Cụm từ văn chương bình dân cũng là từ đối ứng với văn chương bác học mà tác giả Dương Quảng Hàm đã từng dùng trong bộ *Việt Nam văn học sử yếu* (1941- 1943). Phải đợi đến khi thành lập Hội văn nghệ dân gian Việt Nam (1966), thành lập Ban Văn hóa dân gian (1979), tiền thân của Viện Văn hóa dân gian (1983), thì khái niệm dân gian mới có dịp được sử dụng nhiều hơn. Và cho đến nay, thì khái niệm dân gian đã không còn xa lạ với giới nghiên cứu văn hóa - nghệ thuật, nghiên cứu Folklore..., Tuy nhiên, nói về cái dân gian khi đối lập với cái bác học trong các thành tố của văn hóa - nghệ thuật, thì không phải ai cũng hiểu như nhau. Và, ở các thời điểm nhất định thì không phải mọi người đều có quan điểm giống nhau.

Sau đây, chúng tôi muốn cung cấp tới bạn đọc một số quan điểm về cái dân gian trong hình lĩnh vực nghệ thuật tạo hình và trong lĩnh vực nghệ thuật ngữ văn, như là hai dẫn chứng tiêu biểu, để chúng ta cùng nắm bắt sâu hơn đúng đắn hơn về cái dân gian, ở cả hai chiều kích, lịch đại và đồng đại, lịch sử và cập nhật.

3.1- Khái niệm dân gian trong nghệ thuật tạo hình.

Trên tạp chí *Văn hóa dân gian* số 3 năm 1984, GS. Đinh Gia Khánh đã công bố bài báo “Vị trí của nghệ thuật tạo hình dân gian trong văn hóa dân tộc và văn hóa dân gian” nhằm xác định nghệ thuật tạo hình như là thành tố

của văn hóa dân gian, đồng thời cũng đề xuất một số vấn đề có ý nghĩa phương pháp luận về nghiên cứu nghệ thuật tạo hình Việt Nam.

Theo tác giả, ngày xưa tư tưởng của giai cấp phong kiến thống trị đã ảnh hưởng không nhỏ vào nhiều công trình nghệ thuật tạo hình, thể hiện ở chỗ các tầng lớp thống trị đều muốn các nghệ nhân phải thực hiện các công trình nghệ thuật theo ý đồ của mình. Tuy nhiên, các nghệ nhân lại xuất thân từ các tầng lớp lao động và gắn bó với đời sống tinh thần của dân chúng, với văn hóa - văn nghệ dân gian. Vì vậy, hoặc là tự giác hoặc là không tự giác, các nghệ nhân vẫn đưa các yếu tố văn hóa, nghệ thuật dân gian vào các công trình mà họ phải thực hiện. Điều này đã làm cho vấn đề trở nên phức tạp khi chúng ta muốn tách bạch đâu là công trình nghệ thuật dân gian gắn bó trực tiếp với đời sống của dân chúng. Tác giả cũng nêu giả thiết, hoặc giả nghệ thuật tạo hình dân tộc có hai dòng đối lập nhau: một dòng có tính chất bác học, hàn lâm, một dòng có tính chất dân gian. Như vậy, làm thế nào để có thể phân biệt được hai dòng ấy. Hoặc giả nghệ thuật dân gian là chủ thể, thậm chí làm nên toàn bộ nghệ thuật tạo hình dân tộc? Tác giả bài báo cho rằng, đây cũng chính là vấn đề chưa được giải đáp.

Trong khi đó, cũng ở số tạp chí này Nguyễn Tiến Cảnh trong bài báo “Phân định nghệ thuật tạo hình dân gian Việt Nam” lại lên tiếng phủ định hoàn toàn quan niệm cho rằng, nghệ thuật tạo hình cổ truyền Việt Nam là nghệ thuật tạo hình từ Lý Trần qua Lê tới Nguyễn với những cung điện, lầu các với những chùa tháp, đình làng đền miếu, lăng tẩm... mà gắn liền với chúng là những tác phẩm điêu khắc, hội họa, có đủ phẩm chất của một nghệ thuật bác học”. Và sau khi phân tích điều khắc đình làng nửa cuối thế kỷ 17 là đỉnh cao của lịch sử mỹ thuật Việt Nam, tác giả Nguyễn Tiến Cảnh cho rằng, “lấy thuật ngữ điêu khắc dân gian để chỉ những điều khắc đình làng là không đúng”. Tiếp đó, tác giả dường như muốn khẳng định thêm: “Đến thời Nguyễn với những long, ly, quy, phượng, mai lan, trúc cúc, hoa điều tùng lộc... lại càng không thể dân gian”.

Thật thú vị, tuy không phải là những ý kiến thảo luận trực tiếp với những luận điểm của Nguyễn Tiến Cảnh, song một loạt tác giả với

những bài viết khác nhau, cũng trên số *Tạp chí Văn hóa dân gian* đã dẫn, lại đều như thống nhất một quan điểm chung đó là xác nhận tính dân gian của nghệ thuật tạo hình. Chẳng hạn có thể kể: Tô Ngọc Thanh với bài "Nghệ thuật tạo hình dân gian phải là một thành tố của Folklore", Trịnh Cao Tường với bài "Nghiên cứu kiến trúc trong lĩnh vực văn hóa dân gian", Nguyễn Quân với bài nghiên cứu về "Một vài suy nghĩ về việc nghiên cứu nghệ thuật tạo hình dân gian trong Folklore". Trong nhóm tác giả này, có thể coi ý kiến của Trịnh Cao Tường như là một nhận xét tiêu biểu: "Những người làm công tác nghiên cứu mỹ thuật đã coi điều khắc trang trí đình làng là một dòng suối mát thuần khiết Việt Nam nhất là giai đoạn nghệ thuật thăng thế nhất của nghệ thuật tạo hình dân gian Việt Nam (Nxb. KHXH, H 1989). Giáo sư Đinh Gia Khánh trong mục "nghệ thuật tạo hình dân gian" đã tỏ ra hoàn toàn đồng thuận với quan điểm của nhóm tác giả vừa nêu trên, coi nghệ thuật tạo hình là nghệ thuật dân gian, đồng thời coi nghệ thuật tạo hình là một thành tố của văn hóa dân gian/Folklore. Đương nhiên, đây là nói về nghệ thuật tạo hình cổ truyền Việt Nam.

3.2- Khái niệm dân gian trong nghệ thuật ngữ văn

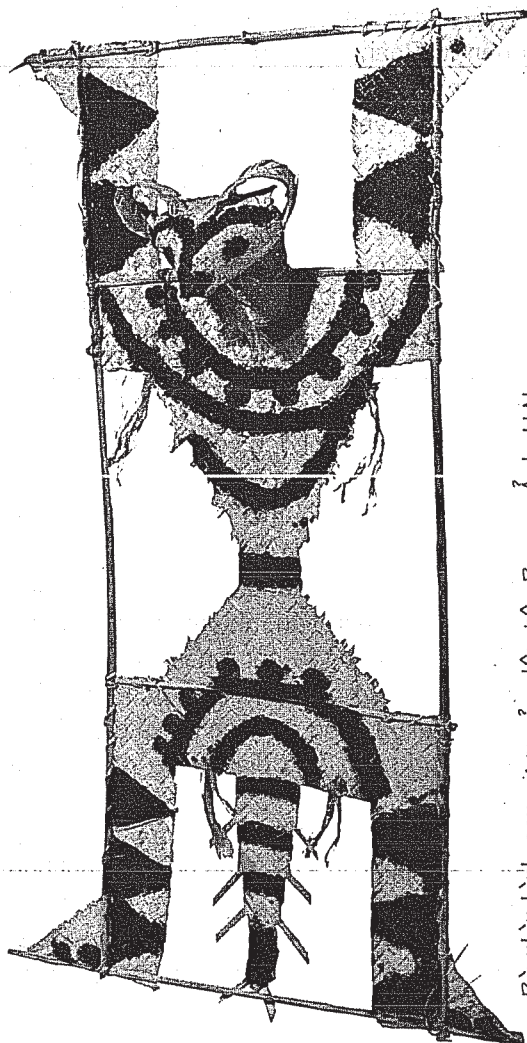
Như mọi người đều biết, trong cả một thời gian dài (nhiều thập kỷ của thế kỷ 20), nhiều bộ môn khoa học xã hội và nhân văn, trong đó có khoa nghiên cứu văn học dân gian của Việt Nam cũng như Trung Quốc, đều chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền khoa học Xô Viết (Liên Xô cũ). Trong đó, có những ảnh hưởng tích cực, góp phần nâng cao thêm trình độ lý luận và đặc biệt là phương pháp luận cho đội ngũ nghiên cứu văn học dân gian của nước ta. Tuy nhiên, kể từ khi đất nước ta bước vào thời kỳ đổi mới (khoảng từ năm 1986 trở đi) thì nhiều vấn đề về tư duy và phương pháp luận khoa học chuyên ngành đã bộc lộ những bất cập nhất định.

Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, quá trình đổi mới tư duy giúp cho chúng ta nhận thức được sự chậm trễ của khoa học xã hội, sự lạc hậu trong công tác lý luận" (Giáo sư Phạm Tất Dong chủ biên: "Khoa học xã hội và nhân văn mười năm đổi mới và phát triển. Nxb. KHXH, H, 1997, tr 13).

Quả có như vậy. Riêng trong lĩnh vực nghiên

Kiều Thu Hoạch: *Góp bàn về...*

cứu văn học dân gian, cách hiểu của chúng ta về cái dân gian chủ yếu vẫn là cách hiểu của ngành nghiên cứu văn học dân gian Liên Xô từ những năm 30 của thế kỷ trước: "Văn học dân gian là sáng tác tập thể, truyền miệng của nhân dân lao động, mà theo quan điểm của Gorki là chỉ nông dân sản xuất ra của cải vật chất" (*Giáo trình văn học dân gian*, Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H, 1972). Nghệ thuật thơ ca dân gian là sáng tác nghệ thuật ngôn từ, truyền miệng của quần đại quần chúng lao động" (Noovicôva chủ biên: *Sáng tác thơ ca và dân gian Nga*, bản dịch Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H, 1983). Qua hai định nghĩa tiêu biểu của văn học dân gian vừa nêu, chúng ta đều thấy nói đến người sáng tác dân gian là nhân dân lao động, quần chúng lao động và nói đến phương thức sáng tác là truyền miệng. Đó cũng chính là hai vấn đề cốt tủy của khái niệm văn học dân gian. Một quan niệm về cái dân gian như thế trong cả một thời gian dài ở nước ta, cũng như ở Trung Quốc. Thế nhưng



Bù nhìn hình con vượn của dân tộc Bana - Ảnh: H.N

trong thực tiễn cuộc sống có phải như vậy không? Đó là vấn đề cần được xem xét lại. Chúng ta hãy thử tham khảo một số nhận thức mới của giới học thuật Trung Quốc về cái dân gian trong văn học dân gian, từ sau thời kỳ đổi mới, cải cách mở cửa. Thứ nhất, vấn đề tác giả văn học dân gian là ai? Nói về dòng văn học dân gian trong xã hội cũ, có quan điểm cho rằng, tác giả của văn học dân gian không chỉ là người lao động, tức đa số nông dân trong xã hội phong kiến, mà còn có cả quần chúng "phi lao động" (với ý không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất", tức những tầng lớp nhân dân khác như: tăng ni, đạo sĩ, kỳ nữ, thị dân... Bởi vậy, nếu căn cứ vào số lượng các tác phẩm văn học dân gian hiện còn mà xem xét, thì rõ ràng không phải chỉ có nông dân lao động mới là người sáng tác dân gian. Thứ hai vấn đề phương thức sáng tác lưu truyền văn học dân gian. Có luận điểm cho rằng, văn học dân gian vốn dĩ từ xa xưa là sáng tác truyền miệng, song trong lịch sử lâu dài, khi dân tộc có chữ viết, thì văn học dân gian lại được sáng tác và lưu truyền bằng cả hai phương diện; truyền miệng và văn bản. Nếu không thừa nhận hiện tượng này, tức là đã gạt bỏ một bộ phận quan trọng trong kho tàng di sản văn học dân gian. Trong các dân tộc thiểu số ở Trung Quốc, hiện còn khá nhiều bộ sử thi mà đều tồn tại song song cả sử thi truyền miệng lẫn sử thi được sao chép thành văn bản chữ viết. Điều này cho thấy, rõ ràng truyền miệng không phải là phương thức tồn tại duy nhất của cái dân gian, (Theo tạp chí *Diễn đàn văn học dân gian Trung Quốc*, số 1, 1985).

Ở Việt Nam trước đây, tác giả Trường Chinh có lẽ là người đã sớm nhận ra những người sáng tác dân gian với một tầm nhìn rộng, phù hợp với thực tế lịch sử: "Bên cạnh văn hóa chính thống của các thời đại, có cả một nền văn hóa nhân dân còn lưu lại trong phương ngôn, ngạn ngữ, cao dao, truyện cổ tích, tranh gà, lợn v.v... Văn hóa này tả sự phấn đấu của những người lao động (làm ruộng, làm thợ, đi buôn...) (SIC) (Trường Chinh: *Chủ nghĩa C.Mac và văn hóa Việt Nam*, in lần thứ nhất năm 1948, in lần thứ hai có xem lại và sửa chữa, Nxb. Sự thật, H, 1974, tr34). Thực ra đây vốn là luận điểm nổi tiếng của chủ nghĩa Lênine nói về hai dòng văn hóa trong mọi dân tộc, dòng văn hóa của tầng

lớp thống trị và dòng văn hóa của nhân dân lao động. Đồng chí Trường Chinh đã vận dụng một cách sắc bén luận điểm của Lênine vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam và bản báo cáo đã có tiếng vang mạnh mẽ trong buổi trình bày tại *Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai*, tháng 7 năm 1948. Điều đáng chú ý đối với chúng ta ngày nay, là ngay từ lúc đương thời, tác giả bản báo cáo đã có nhận thức vô cùng sáng suốt về cái dân gian. Theo tác giả thì những người lao động, tức những người sáng tác dân gian, không chỉ có nông dân mà còn có cả thợ thủ công và cả tầng lớp người buôn bán... Điều này hiển nhiên là một nhận thức mới mẻ, đi trước thời đại và hoàn toàn phù hợp với nhận thức của giới nghiên cứu văn hóa dân gian trong cuộc thảo luận về văn học dân gian hiện đại. Nhà Folklore học hàng đầu Việt Nam, Chu Xuân Diên đã nhắc tới: "Ở Việt Nam, quan niệm mở rang (về người sáng tác dân gian) có liên quan đến phạm trù nhân dân, được đánh dấu bằng cuộc thảo luận về văn học dân gian hiện đại cuối những năm 60. Ngoài khái niệm văn học dân gian nông dân, các khái niệm và các hiện tượng cụ thể của văn học dân gian của thợ thủ công, của công nhân, của tầng lớp thị dân ở các thành thị thuộc thời kỳ cận đại, và văn học dân gian của bộ đội, thanh niên xung phong, dân công, viên chức, học sinh... trong thời kỳ hiện đại đã được nói tới và miêu tả" (*Văn hóa dân gian, mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*. Nxb. Giáo dục, H, 2001, tr 39).

Chúng tôi vừa trình bày về người sáng tác dân gian theo những quan niệm đổi mới ở Việt Nam cũng như ở Trung Quốc. Rất mừng là giới nghiên cứu văn hóa dân gian ở nước ta đã đi đúng hướng. Tuy nhiên, trong thời đại hội nhập văn hóa hiện nay, có lẽ chúng ta cũng nên mở rộng tầm nhìn tới một phía chân trời khác như là một sự tham chiếu khoa học mà lâu nay chúng ta còn ít quan tâm đó là những luận điểm về cái dân gian của giới Folklore Mỹ.

Một trong những thí dụ tiêu biểu cho xu hướng mở rộng việc nghiên cứu folklore tới các tầng lớp khác nhau trong xã hội đó là quan niệm của các nhà folklore học nổi tiếng người Mỹ, Alan Dundes. Theo A.Dundes, quan niệm vấn đề truyền miệng gắn với người sáng tác dân gian là một người mù chữ (non literate/illet-

tré) là một quan niệm cũ, không phù hợp đó là một quan điểm lỗi thời của các nhà folklore châu Âu thế kỷ 19. Dundes cho rằng, nếu các nhà Folklore học hiện nay chấp nhận cách định nghĩa của khoa học truyền thống cũ của thế kỷ 19, coi dân chúng (folk) chỉ là tầng lớp nông dân lạc hậu, vô học, thì việc nghiên cứu folklore chỉ là một công việc bảo tồn không hơn không kém, và ngành khoa học của họ cũng sẽ cùng theo sát bản thân folklore mà đi vào quên lãng. Nhưng theo ông, nếu chúng ta nhìn nhận vấn đề Dân chúng là ai? Dưới một ánh sáng mới, chúng ta sẽ thấy rằng, phạm trù dân chúng không phải là đang mất đi, rằng đang có những nền văn hóa dân gian sống động và phong phú tồn tại ở Hoa Kỳ, ở Canada, ở châu Âu...".

Cái nhìn "dưới ánh sáng mới" ấy theo A.Dundes là quan niệm về "dân chúng/người sáng tác dân gian" (folk) như là một khái niệm có thể áp dụng cho bất cứ một nhóm người nào có chung với nhau ít nhất một nhân tố liên kết cộng đồng. Theo định nghĩa về người sáng tác dân gian như vậy, thì folk có thể là một đơn vị nhỏ như gia đình với những truyền thống riêng của nó, có thể là một đơn vị lớn như toàn thể dân tộc, mà theo cách phân loại địa lý văn hóa sẽ cho ta những nhóm, những cộng đồng khác nhau với những truyền thống văn hóa khác nhau... Ở Hoa Kỳ, quá trình công nghiệp hóa sẽ làm giảm thiểu thành phần nông dân, do đó làm giảm tỉ lệ văn hóa dân gian nông dân, song đồng thời lại làm nảy sinh nhiều hiện tượng văn hóa dân gian mới khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hiện đại. Và trong công trình của mình sau khi dẫn chứng hàng loạt những mẫu chuyện dân gian đương đại sưu tầm ở Mỹ, ông đã hóm hỉnh đưa lời nhận xét: "Ngoài sáng tác dân gian trong trường hợp này là những người biết chữ... Không ai là người sáng tác dân gian trong những ví dụ này là nông dân hay là người thuộc tầng lớp dưới. Nhiều người chắc chắn là những người thành thị hay tầng lớp trung lưu, nếu ai đó quan tâm có những phân biệt như vậy hoặc áp dụng cách gọi như vậy". Cuối cùng Dundes đi đến kết luận: "Có người sáng tác dân gian thành thị và cũng có những người sáng tác dân gian nông thôn". Ở một đoạn khác Dundes còn bàn đến cả một hiện tượng mà không ít người thường băn khoăn, đó là mối quan hệ giữa cái dân gian và các phương tiện truyền thông hiện đại. Theo ông, thì các công

Kiều Thu Hoạch: *Góp bàn về...*

nghệ hiện đại như điện thoại, radio, tivi... chỉ làm tăng thêm tốc độ lưu truyền mà không hề làm biến mất văn hóa- văn học dân gian hiện đại (Lược dẫn theo Chu Xuân Diên: *Văn hóa dân gian- mấy vấn đề phương pháp luận và nghiên cứu thể loại*, Nxb. Giáo dục, tr 37- 38, Có tham chiếu bài viết của Who are the Folk? (Ai là người sáng tác dân gian?) trong interpreting Folklore. (Lý giải văn hóa dân gian) của Alan Dundes Indiana University press, Bloomington- 1980- Bản dịch của TS. Nguyễn Thị Hiền).

Tóm lại, dân gian là một thuật ngữ khoa học mới xuất hiện khoảng nửa cuối thế kỷ 19 ở châu Âu, đến đầu thế kỷ 20 nó mới được sử dụng rộng rãi, đây là một thuật ngữ khá phức tạp về ngữ nghĩa khi gắn với các thành tố văn hóa của văn hóa- nghệ thuật, do nó có quan hệ hữu cơ với khái niệm nhân dân- một phạm trù có tính chất lịch sử- xã hội. Điều này có nghĩa là, trong các thời đại lịch sử khác nhau, thì cơ cấu xã hội của nhân dân cũng khác nhau, và do đó cũng sẽ có tác động nhất định tới tính chất của khái niệm dân gian. Chẳng hạn, trong thời đại xã hội có giai cấp, thì cái dân gian là cái phi chính thống, đối lập với cái chính thống "Est populaire ce qui n'est pas officiel" (Là dân gian cái gì không phải là chính thống). Đây là một luận điểm nổi tiếng của một nhà Folklore học người Pháp. Và như thế trong các thời đại cũ, như Lénine đã chỉ rõ, ở mỗi dân tộc đều có hai dòng văn hóa song song tồn tại và tác động lẫn nhau, đó là dòng văn hóa của giai cấp thống trị và dòng văn hóa của nhân dân cũng tức là dòng văn hóa bác học và dòng văn hóa dân gian. Đương nhiên, đó là nói chung, còn tùy nơi, tùy lúc cũng có trường hợp trong cái bác học cũng có thể hàm chứa cái dân gian. Nhưng đến thời đại mới, thời đại xã hội chủ nghĩa của chúng ta ngày nay, thì do cơ cấu của xã hội đã thay đổi, nhân dân đã là người làm chủ đất nước, nên cái dân gian hiện đại tất yếu đã khác cái dân gian truyền thống trong các xã hội cũ, thời đại cũ. Và ở góc độ bảo tồn di sản văn hóa dân tộc, thì chúng ta vừa phải trân trọng, khuyến khích sự phát triển của cái dân gian mới, hiện đại, vừa phải trân trọng giữ gìn bảo tồn và phát huy cái dân gian cổ truyền/truyền thống của dân tộc./.

K.T.H